

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 104/2022/TLST/HNGĐ ngày 01 tháng 6 năm 2022 giữa:

Nguyên đơn: Anh Phạm T Sinh năm 1992

Nơi cư trú: Thôn S g, xã T, huyện BT, tỉnh Thanh Hóa.

Bị đơn: Chị Lục Thị N ; Sinh năm 1995

Nơi cư trú: Thôn C xã TK, huyện BT, tỉnh Thanh Hóa

Căn cứ vào các Điều 212, 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, Điều 58, Điều 81, Điều 82 Điều 83 của Luật hôn nhân gia đình năm 2014;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 20 tháng 6 năm 2022.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi nhận trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 20 tháng 6 năm 2022 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa:

Anh Phạm Thế A và chị Lục Thị

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về hôn nhân: Anh Phạm Thế A và chị Lục Thị Nêu tự nguyện thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Anh Phạm Thế A và chị Lục Thị

tự nguyện thỏa thuận. Khi ly hôn chị N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung là cháu Phạm Quốc V, sinh ngày 09/8/2012 cho đến tuổi thành niên. Anh Phạm Thế A không cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh Phạm Thế A có quyền đi lại thăm nom con chung không ai được cản trở.

- Về tài sản và nợ chung: Anh Phạm Thế A và chị Lục Thị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí: Điểm đ khoản 1 Điều 12; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

- Anh Phạm Thế A là dân tộc thiểu số sinh sống tại vùng đặc biệt khó khăn nên được miễn toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm. Chị Lục Thị N phải chịu 75.000đ (Bảy mươi lăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm.

3. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7,7a và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Dương sự;
- VKSND cùng cấp;
- Chi cục THA;
- Cơ quan thực hiện đăng ký kết hôn
- Lưu Hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Trần Thị Quyên

